

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-ST

Ngày: 20-6-2023

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài
sản và tranh chấp về nghĩa vụ dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc Hữu và bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận
tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Thị Hồng Ph, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn 02, xã G A, huyện T L, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Châu Thị Diễm Tr, sinh năm 1991 và ông Trương Quang D, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn 04, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Bà Tr vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông D vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn 02, xã G A, huyện T L, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022, bản tự khai đề ngày 09/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tôn Thị Hồng Ph trình bày:

Ngày 15/7/2019 âm lịch, bà Ph cho vợ chồng bà Tr, ông D vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 20/7/2019 âm lịch, bà Ph cho vợ chồng bà Tr, ông D vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 29/7/2019 âm lịch, bà Ph cho vợ chồng bà Tr, ông D vay số tiền 350.000.000 đồng. Bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 04/8/2019 âm lịch, bà Ph cho vợ chồng bà Tr, ông D vay số tiền 150.000.000 đồng. Bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 11/8/2019 âm lịch, bà Ph cho vợ chồng bà Tr, ông D vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Tổng cộng số tiền cho vợ chồng bà Tr, ông D vay là 800.000.000 đồng.

Ngoài vay tiền, vào năm 2019, vợ chồng bà Tr, ông D có tham gia một dây hui cho bà Ph làm chủ. Quá trình tham gia vợ chồng bà Tr, ông D đã hót hui được số tiền 159.000.000 đồng. Đến kỳ đóng hui nhưng vợ chồng bà Tr, ông D không đóng. Đến ngày 20/7/2019 bà Tr có viết một tờ giấy nhận nợ hui với nội dung là “Hui 10 triệu đóng 20/7/2019 AL, tổng 21 người Tr D hót kỳ 2T8/2019 ...159.200.000”. Theo đó vợ chồng bà Tr, ông D xác nhận có nợ tiền hui đồng thời có cam kết trả nhưng đến nay không thực hiện.

Bà Ph xác định hiện nay vợ chồng bà Tr, ông D còn thiếu tiền nợ vay và nợ hui nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Tr, ông D phải trả: 800.000.000 đồng tiền nợ vay và 159.000.000 đồng tiền nợ hui. Yêu cầu tính tiền lãi chậm trả trên số nợ vay 800.000.000 đồng tính từ tháng 10/2019 theo mức lãi suất 10%/năm theo pháp luật dân sự quy định. Không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hui.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Châu Thị Diễm Tr bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà Tr có vay tiền của bà Ph nhiều lần, mục đích vay dùng cho người thân trong gia đình, khi vay tiền tự cá nhân bà Tr vay không bàn bạc với ông Trương Quang D, nên bà Tr xác định số tiền còn nợ của bà Ph là nợ riêng, cụ thể các khoản như sau:

Ngày 15/7/2019 âm lịch, vay số tiền 100.000.000 đồng, bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 20/7/2019 âm lịch, vay số tiền 100.000.000 đồng, bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 29/7/2019 âm lịch, vay số tiền 350.000.000 đồng, bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 04/8/2019 âm lịch, vay số tiền 150.000.000 đồng, bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Ngày 11/8/2019 âm lịch, vay số tiền 100.000.000 đồng, bà Tr có viết giấy vay tiền và ký tên.

Tổng cộng nợ vay là 800.000.000 đồng.

Về nợ hui: Năm 2019, bà Tr có tham gia 01 chân hui do bà Ph làm chủ, đóng được 01 lần thì bà Tr lĩnh hui được số tiền 159.000.000 đồng. Sau khi lĩnh hui bà Tr có đóng hui chết cho bà Ph hiện chỉ còn nợ lại 60.000.000 đồng. Khi đóng hui cho bà Ph không có viết giấy xác nhận, chỉ đưa tiền rồi đi về. Theo như giấy xác nhận nợ hui có nội dung “Hui 10 triệu đóng 20/7/2019 AL, tổng 21 người Tr D hót kỳ 2T8/2019 ...159.200.000” là đúng.

Bà Tr xác nhận hiện có nợ tiền vay của bà Ph là 800.000.000 đồng và tiền hui là 60.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Khi vay tiền có thỏa thuận tính lãi là 40.000 đồng/1 triệu/1 tháng; sau khi vay bà Tr có đóng tiền lãi nhiều lần cho bà Ph với tổng số tiền khoảng 200.000.000 đồng, khi trả lãi không có lập giấy tờ, hiện nay bà Tr đề nghị tính toán lại số lãi đã trả. Do điều kiện khó khăn nên bà Tr đề nghị bà Ph không tính lãi nữa.

Đối với bị đơn ông Trương Quang D:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn, xác định hiện nay ông D cư trú tại xã Gia An, huyện Tánh Linh, nhưng đi làm tại nơi khác. Theo như bà Châu Thị Diễm Tr là vợ của ông D cho biết: “*bà Tr và ông D hiện nay là vợ chồng, ông D đang đi lái xe thuê cho công ty, ít thường xuyên có mặt ở nhà, do đó các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Tr đã nhận thay và cam kết giao lại cho ông D*”.

Bên cạnh việc xác minh, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo, giấy triệu tập ông Trương Quang D đến Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận để tham gia tố tụng trong vụ án trình bày ý kiến, lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai của bị đơn Trương Quang D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến S bày ý kiến như sau:

Ông S và bà Tôn Thị Hồng Ph là vợ chồng. Việc bà Tôn Thị Hồng Ph xác lập các giao dịch dân sự với bà Châu Thị Diễm Tr thì ông S không tham gia và không rõ sự việc. Số tiền mà bà Ph khởi kiện đối với vợ chồng Châu Thị Diễm Tr và Trương Quang D là tài sản riêng của bà Ph, do đó ông S không có ý kiến yêu cầu trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Châu Thị Diễm Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Quang D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Thị Hồng Ph. Buộc bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Tôn Thị Hồng Ph số tiền 959.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc bà Châu Thị Diễm Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; Trả lãi tiền tạm ứng án phí cho bà Tôn Thị Hồng Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ vay cả gốc và lãi, tiền nợ hui mà hai bên đã thống nhất chốt hui, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về nghĩa vụ dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 04, xã G A, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt theo đúng quy định quy định tại Điều 173, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trương Quang D đến Tòa án trình bày bản tự khai, lời khai, cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ, tuy nhiên ông D vắng mặt không có lý do; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên bị đơn bà Tr và ông D vắng mặt; nguyên đơn bà Ph

có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Tôn Thị Hồng Ph, bị đơn bà Châu Thị Diễm Tr, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trương Quang D đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ án này.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Về tiền nợ vay: Bà Tôn Thị Hồng Ph yêu cầu bị đơn bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải trả số tiền nợ vay là 800.000.000 đồng. Bị đơn bà Tr xác nhận thời điểm vay, số tiền vay và đúng số nợ mà nguyên đơn yêu cầu, đồng thời xác định là nợ riêng của bà. Ông D không có yêu cầu phản tố cũng như ý kiến phản đối, với yêu cầu khởi kiện, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn. Xét: Bị đơn bà Tr đã thừa nhận có nợ tiền vay của bà Ph là 800.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền nợ vay.

3.2 Về tiền nợ hui mà các bên đã thống nhất chốt hui: Bà Tôn Thị Hồng Ph yêu cầu bị đơn bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải trả số tiền nợ hui là 159.000.000 đồng. Bà Tr thừa nhận có xác lập giao dịch về hui bằng giấy viết tay có nội dung xác nhận nợ tiền hui của bà Ph 159.000.000 đồng, do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Tuy nhiên bà Tr cho rằng trong tổng số tiền nợ hui của bà Ph là 159.000.000 đồng, đã trả cho bà Ph hiện chỉ còn nợ 60.000.000 đồng, nhưng không có chứng minh, nên không được xem xét chấp nhận. Như vậy đủ cơ sở để xác định hiện nay bà Tr nợ tiền hui của bà Ph là 159.000.000 đồng.

3.3 Về yêu cầu tính lãi:

Yêu cầu tính tiền lãi chậm trả trên số nợ vay 800.000.000 đồng tính từ tháng 10/2019 theo mức lãi suất 10%/năm theo pháp luật dân sự quy định. Xét: tại giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp không có thỏa thuận về việc tính lãi, thời hạn trả tiền nhưng theo lời trình bày của bà Tr, khi vay hai bên có thỏa thuận trả lãi là 40.000 đồng/1.000.000 đồng/1 tháng, bà Tr đã trả lãi được khoảng 200.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên việc bà Tr yêu cầu tính toán lại tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận. Xác định hợp đồng vay tài sản không thời hạn và không có thỏa thuận tính lãi. Khi bà Ph yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà Tr, ông D không trả, do đó bà Tr và ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời

gian chậm trả theo yêu cầu của bà Ph là từ tháng 10/2019 là có căn cứ. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2023 là 3 năm 8 tháng 20 ngày, tương ứng số tiền 297.777.000 đồng.

Bà Ph không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hui nên không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Tr và ông D là vợ chồng. Số tiền nợ vay 800.000.000 đồng và tiền nợ hui 159.000.000 đồng mà bà Tr thừa nhận, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Tr và ông D. Số tiền vay lớn và bà Ph khai mục đích bà Tr vay để mở Trung tâm tiếng ông, khi bà Tr không trả nợ thì có đến nhà yêu cầu vợ chồng bà Tr trả nợ. Mặt khác nghĩa vụ đối với nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là của vợ chồng, trong khi đó, quá trình tố tụng, ông D không có ý kiến phản đối về số nợ mà bà Ph khởi kiện, nên buộc ông D phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Ph.

Căn cứ khoản 1 Điều 351, các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2020 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tôn Thị Hồng Ph số tiền nợ vay là: 800.000.000 đồng, tiền lãi: 297.777.000 đồng; Tiền nợ hui: 159.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải bầu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, đồng thời nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 72, khoản 2 Điều 92, Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 4 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 288; khoản 1 Điều 351; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2020 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Thị Hồng Ph về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp về nghĩa vụ dân sự:

- Buộc bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tôn Thị Hồng Ph số tiền nợ vay là 1.097.777.000 đồng (*một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 297.777.000 đồng.

- Buộc bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tôn Thị Hồng Ph số tiền nợ hui là: 159.000.000 đồng (*một trăm năm mươi chín triệu đồng*).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Buộc bà Châu Thị Diễm Tr và ông Trương Quang D phải nộp 49.703.310 đồng (*bốn mươi chín triệu bảy trăm lẻ ba nghìn ba trăm mười đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Tôn Thị Hồng Ph số tiền 25.560.000 đồng (*hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007921 ngày 09/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Bình